

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 05/2022/HSST

Ngày: 18-01-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Nhân.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Quách Đình Hoàng.

2. Bà Tô Thị Lành.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa:* Ông Đào Anh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 167/2021/TLST - HS ngày 22 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. BÙI THỊ THANH T (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1983 tại Hà Tĩnh; nơi cư trú: 91 B, Tổ 1, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Bùi Thanh N (sinh năm 1946) và bà Nguyễn Thị V (đã chết); bị cáo có 05 anh chị em ruột, bị cáo có chồng là Lê Văn T, sinh năm 1976, bị cáo có hai người con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2009;

Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 30-4-2021, thực hiện hành vi bắt người trái pháp luật. Ngày 23-6-2021, bị khởi tố và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

2. BÙI THANH H (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1996 tại Hà Tĩnh; nơi cư trú: 82/15 B, Tổ 1, phường P, thành phố P, tỉnh G; Hiện tạm trú tại: hẻm 42 N, Tổ 1, phường H, thành phố P, tỉnh G; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Bùi Thanh N (sinh năm 1946) và bà Nguyễn Thị N1 (đã chết); bị cáo có 05 anh chị em ruột, bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 30-4-2021, thực hiện hành vi bắt người trái pháp luật. Ngày 23-6-2021, bị khởi tố và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

2. Những người tham gia tố tụng:

Bị hại:

Chị Trần Thị L, sinh năm 1978, địa chỉ: Lô 39A B, Tổ 11, phường H, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

2.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Lê Văn T, sinh năm 1976; địa chỉ: 91 B, Tổ 1, phường P, thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

- Anh Phạm D, sinh năm 1994; địa chỉ: 37/02 P, Tổ 1, phường T, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Trần Thị L và BÙI THỊ THANH T có mối quan hệ quen biết làm ăn buôn bán. Trong quá trình làm ăn, chị L nợ T tiền nhưng không trả. Ngày 23-7-2016, T gặp chị L đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 81B1-387.23 tại ngã tư Lâm Nghiệp, phường Chi Lăng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, T yêu cầu trả nợ nên chị L viết giấy hẹn trong vòng 10 ngày sẽ trả trước số tiền 5.700.000 (năm triệu bảy trăm ngàn) đồng. Đồng thời, để lại 01 chiếc xe mô tô biển số 81B1-387.23 thuộc sở hữu của chị L để làm tin nhưng sau đó chị L bỏ đi nơi khác sinh sống.

Khoảng 17 giờ ngày 30-4-2021, BÙI THANH H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu PSMOTO, biển số 81B2-206.96 đi chở hàng thì thấy chị L đang mua thuốc tại tiệm thuốc tây số 07 đường Q, phường H, TP.P, tỉnh G, biết chị L chưa trả nợ cho T nên H gọi điện thoại báo cho T biết. Sau đó, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 81B2-090.84 đến số 07 đường Q và gọi chị L ra nói chuyện giải quyết nợ nần nhưng chị L đứng trong tiệm thuốc, gọi điện thoại cho chị Trần Thị H (sinh năm 1969; trú 112/1/16 T, TP.P, tỉnh G; là chị ruột của chị L) nói cho chị H biết việc mình đang gặp T, rồi mới ra ngoài nói chuyện với T. T nói chị L về nhà T nói chuyện nhưng chị L không đồng ý. Lúc này, T dùng chân gạt, đè chị L ngã xuống đường; thấy vậy, H đi đến dùng chân đá vào người chị L; chị L vùng vẫy bỏ chạy vào trong tiệm thuốc tây, thì bị T và H chạy lại lôi, kéo ra ngoài vỉa hè rồi T ôm giữ chị L, còn H chạy đi gọi xe taxi. Trong lúc giằng co, điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A10 của chị L đổ chuông nên T lấy điện thoại của chị L cất vào túi quần, mục đích không cho chị L liên lạc với người khác và yêu cầu chị L về nhà T để nói chuyện. Cùng lúc này, H gọi anh Phạm D (sinh năm 1994; trú tại Tổ 1, phường T, thành phố P, tỉnh G) là lái xe taxi hiệu Sun Taxi, biển số 81A-112.64 đến chở H cùng chị L đi về 91 đường B, Tổ 1, phường P, thành phố P, tỉnh G; do chị L vùng vẫy, yêu cầu H thả ra nên H ôm, cầm tay chị L không chế lại; còn T cầm điện thoại di động của chị L và điều khiển xe mô tô biển số 81B2-090.84 đi theo sau.

Khi về đến nhà T ở 91 đường B, Tổ 1, phường P, thành phố P, tỉnh G, chị L tự xuống xe và đi vào quây tập hóa trước nhà T đứng (cửa nhà không đóng, khóa), thì H cũng đi vào theo. Lúc này, T về đến nhà thì chị L cùng T đi vào phòng khách ngồi nói chuyện. Tại đây, chị L và T thỏa thuận chị L bán xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 81B1-387.23 cho T để trừ bớt số tiền nợ 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Sau khi thỏa thuận xong, T trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A10 cho chị L, sau đó chị L đi về. Cùng ngày, T và H đến Công an thành phố P đầu thú, giao nộp mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số 81B1-387.23 và khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 172/CT-VKS ngày 22 tháng 11 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố các bị cáo về tội: “Bắt người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo BÙI THỊ THANH T và BÙI THANH H phạm tội: “*Bắt người trái pháp luật*”.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Bùi Thị Thanh T.

Xử phạt bị cáo BÙI THỊ THANH T với mức án tù 09 (chín) tháng tù đến 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Bùi Thanh H.

Xử phạt bị cáo BÙI THANH H với mức án tù 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu), thời hạn tính từ ngày tuyên án.

Về dân sự không giải quyết.

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pl, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định:

Do có mâu thuẫn trong chuyện nợ tiền nên vào khoảng 17 giờ ngày 30-4-2021, tại trước tiệm thuốc tây số 07 đường Q, phường H, TP.P, tỉnh G, BÙI THỊ THANH T và BÙI THANH H đã có hành vi ôm, khống chế, bắt chị L lên xe taxi hiệu Sun Taxi, biển số 81A-112.64 đi đến nhà của T ở 91 đường B, Tổ 1, phường P, thành phố P, tỉnh G. Cùng ngày, T và H ra đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn; BÙI THỊ THANH T là người khởi xướng cùng BÙI THANH H thực hiện hành vi.

Tại Điều 157 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Quyền bất khả xâm phạm về thân thể là quyền cơ bản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái phép đều bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Mặc dù, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc thống nhất với nhau về việc bắt chị L, nhưng khi thấy chị L đang mua thuốc tại tiệm thuốc tây số 07 đường Q, phường H, TP.P, tỉnh G. Các bị cáo T và H không có thẩm quyền bắt người nhưng các bị cáo đã có hành vi ôm, khống chế, bắt bị hại L lên xe Taxi để đi về nhà bị cáo T ở tổ 1, phường P, thành phố P để giải quyết việc bị hại L nợ tiền bị cáo T. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền tự do cá nhân mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn. BÙI THỊ THANH T là người khởi xướng cùng BÙI THANH H thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Bắt người trái pháp luật”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo một mức án tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, nhằm giáo dục các bị cáo cải tạo bản thân tiến bộ là cần thiết.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi sự việc xảy ra các bị cáo đã đầu thú; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo T sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bồi thường cho bị hại nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Để quyết định mức hình phạt chính xác, phù hợp, vừa đảm bảo tác dụng cải tạo, răn đe và phòng ngừa chung. Đồng thời nêu cao tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật. Qua xem xét, các bị cáo T và bị cáo H có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, đối chiếu với các quy định tại Điều 31, Điều 32, Điều 50 và Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xét nên áp dụng hình phạt tù, cho các bị cáo được hưởng án treo, bên cạnh sự giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục các bị cáo.

[4] Về bồi thường dân sự: Trong quá trình giảng co, xô xát, chị Trần Thị L bị xây sát nhẹ nên chị L và BÙI THỊ THANH T thỏa thuận trừ số tiền bồi thường thuốc men là 3.520.000đ (ba triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) vào số tiền 5.700.000đ (năm triệu bảy trăm nghìn đồng) mà chị L còn nợ T vào năm 2016. Chị L không có yêu cầu gì khác về dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị L vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh, biển số 81B1-387.23 thuộc sở hữu của chị Trần Thị L, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho chị L là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 81B2-090.84 và 01 xe mô tô nhãn hiệu PSMOTO, biển số 81B2-206.96 của anh Lê Văn T (là chồng của T). Anh Tường cho T và H mượn để làm phương tiện đi lại, việc T và H sử dụng xe đi thực hiện hành phạm tội thì anh T không biết. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku không thu giữ hai chiếc xe mô tô trên là phù hợp.

[6]. Các vấn đề khác

Đối với việc BÙI THỊ THANH T lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A10 của chị Trần Thị L và việc chị L viết giấy bán xe cho T xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 81B1-387.23 cho T. Xét thấy, việc T lấy điện thoại của chị L chỉ nhằm mục đích không cho chị L gọi điện cho người nhà, không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản và việc chị L viết giấy bán xe cho T là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Đồng thời, sau khi thỏa thuận mua bán xe xong, bị cáo T đã đưa trả lại điện thoại cho chị L. Do đó, không có căn cứ xử lý hình sự đối với T về tội Cường đoạt tài sản là phù hợp.

Đối với việc T và H xô xát, ôm, lôi, kéo, xô ngã chị L rồi bắt lên xe taxi làm

chị L bị thương tích. Tuy nhiên, chị L chỉ bị xây xát nhẹ nên chị L từ chối giám định, không yêu cầu xử lý. Do đó, không có căn cứ xử lý đối với của T và H về tội Cố ý gây thương tích là phù hợp.

Đối với anh Phạm Dũng là người điều khiển xe taxi biển số 81A-112.64 chở H và chị L về nhà T, quá trình điều tra xác định anh Dũng không biết được mục đích T và H bắt chị L lên xe taxi. Anh Dũng không có mối quan hệ quen biết hay có sự bàn bạc từ trước với T và H, nên không có căn cứ xử lý anh Dũng đồng phạm với T và H về tội Bắt người trái pháp luật là phù hợp.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo BÙI THỊ THANH T và BÙI THANH H phạm tội: “Bắt người trái pháp luật”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với Bùi Thị Thanh T.

Xử phạt bị cáo BÙI THỊ THANH T 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án (18-01-2022).

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với Bùi Thanh H.

Xử phạt bị cáo BÙI THANH H 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án (18-01-2022).

Giao bị cáo BÙI THỊ THANH T cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P, tỉnh G giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Giao bị cáo BÙI THANH H cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh G giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

3. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử buộc: Các bị cáo BÙI THỊ THANH T và BÙI THANH H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản sao bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. Pleiku;
- Công an Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp. Pleiku;
- Bị cáo, Người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nhàn

